TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66 /2019/HNGĐ- ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2019
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Ly -** Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2019/TLST- HNGĐ ngày 04/5/2019 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXX-ST ngày 22/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39 /QĐHPT ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị T**, sinh năm 1989; HKTT: Thôn T, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. có mặt

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1986; HKTT: Thôn T, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú hiện nay: không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Đào Thị T trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 09/4/2010. Chúng tôi chung sống với nhau được một thời gian thì thường xuyên xảy ra cãi vã, đỉnh điểm là giữa năm 2018 anh T thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè và về nhà gây sự. Đến tháng 10/2018, tôi và anh T sống ly thân do anh T đánh tôi, sau khi tôi đi còn đe dọa, xúc phạm tôi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Hoàng Minh Đ, sinh ngày 22/01/2011. Cháu Đ hiện đang ở với tôi. Sau khi ly hôn tôi xin được nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Hoàng Văn T trình bày: Tôi và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 09/4/2010. Quá trình chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn và chị T đã bỏ nhà ra ngoài sinh sống 7 tháng nay. Nay chị T xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Hoàng Minh Đ, sinh ngày 22/01/2011. Cháu Đ hiện đang ở với tôi, sau khi ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56,58,81.82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị T được ly hôn anh T. Về con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Chị Đào Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Hoàng Văn T. Tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý vụ án (ngày 04/5/2019), anh Hoàng Văn T đăng ký HKTT và đang cư trú tại Thôn T, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, ngày 29/5/2019 anh T đã làm thủ tục xuất cảnh, đến nay chưa làm thủ tục nhập cảnh. Qua làm việc với bố mẹ anh T, bố mẹ anh T cho biết anh T đã đi Hàn Quốc làm việc, hiện nay anh T chưa về nước.

Do vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết mới có sự thay đổi là bị đơn – anh T ở nước ngoài. Theo quy định tại điểm a mục 5 Điều 7 Nghị Quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ tiếp tục giải quyết vụ án này.

[1.2]. Chị T và bố mẹ anh T trình bày anh T đi lao động tại Hàn Quốc nhưng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao thì coi đây là trường hợp bị dơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu nhưng bố mẹ anh T cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T , do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Hoàng Văn T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 09/4/2010 là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè và về nhà gây sự. Theo anh T theo nguyên nhân mâu thuẫn do chị T đã tự ý bỏ nhà ra ngoài sinh sống. Nay chị T xin ly hôn anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh T. Tuy quá trình giải quyết vụ án, anh T đã đi nước ngoài nhưng anh T đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và đã được Tòa án tiến hành hòa giải, anh T đều trình bày ý kiến đồng ý ly hôn chị T. Xét thấy, hôn nhân chị T và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Minh Đ, sinh ngày 22/01/2011. Chị T và anh T đều có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, anh T đã đi nước ngoài, không rõ địa chỉ, không rõ thời điểm về nước, chị T thu nhập ổn định, cháu Đ còn nhỏ. Do đó giao chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Minh Đ đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56,58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a mục 5 Điều 7 Nghị Quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chị **Đào Thị T** được ly hôn anh **Hoàng Văn T.**

2. Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Minh Đ, sinh ngày 22/01/2011.

Chị Đào Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Minh Đ, sinh ngày 22/01/2011 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị T không yêu cầu anh Hoàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Anh Hoàng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Tphải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ,Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003967. ngày 03 tháng 5 năm 2019

Chị Đào Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Quý